**Tiết 2**

**Toán**

**TIẾT 76. LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Luyện tập, củng cố các kĩ năng cơ bản: Nhận biết về tỉ số phần trăm; Giải bài toán liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của hai số và tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm; yêu môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, 2 bảng phụ ghi nội dung BT2 ; bảng nhóm HS ghi nội dung BT4.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Hoạt động khởi động**- GV tổ chức HS theo nhóm 4 hoặc 6, yêu cầu HS sử dụng kĩ thuật “Ổ bi” thực hiện các việc sau:+ Việc 1: HS nói cho bạn cách tìm tỉ số phần trăm của hai số, lấy một ví dụ đơn giản (chỉ cần nói cách tính không cần tính kết quả cụ thể).+ Xoay “Ổ bi” tiếp tục thực hiện. | - HS tạo thành ổ bi với hai vòng, quay mặt vào nhau.- HS thực hiện các công việc theo yêu cầu GV đã nêu.  |
| *Việc 2:* HS nói cho bạn cách tìm giá trị phần trăm của một số cho trước, lấy một ví dụ đơn giản (chỉ cần nói cách tính không cần tính kết quả cụ thể).+ Xoay “Ổ bi” tiếp tục thực hiện.- Mời 1 - 2HS nhận xét hoạt động | - HS nhận xét; cả lớp lắng nghe. |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. - Chuyển ý, giới thiệu bài | - HS nghe. - HS nghe, viết tên bài vào vở. |
| **B. Luyện tập, thực hành****Bài 1.**  |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1.  | - HS **đọc** yêu cầu bài tập 1.  |
| - Gv yêu cầu HS **xác định** việc cần làm.  | - Ý **a)** **Ghép thẻ** ghi STP với thẻ ghi tỉ số phần trăm **có cùng giá trị**. Ý **b) Viết** các **STP** đã cho **dưới dạng tỉ số phần trăm**. Ý **c) Viết** các **tỉ số phần trăm dưới dạng STP**  |
| - GV yêu cầu HS nhận dạng và nêu cách xử lí các ý. - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân; 4 HS lần lượt làm bảng lớp bài 1b,c.  | - Ý a) và b) thuộc dạng bài: Viết các STP dưới dạng tỉ số phần trăm. Muốn viết STP dưới dạng tỉ số phần trăm, ta lấy số đó nhân nhẩm với 100 rồi viết kí hiệu %Ý c) thuộc dạng bài: Viết các tỉ số phần trăm dưới dạng số thập phân. Muốn viết tỉ số phần trăm dưới dạng STP ta lấy tỉ số phần trăm chia nhẩm với 100.- HS bài cá nhân vào vở bài tập Toán trang 103; 4 HS lần lượt làm bảng lớp bài 1b,c. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn:\* Bài 1a: Tổ chức trò chơi *Truyền điện*  | - HS cả lớp tham gia trò chơi. |
| *+ Quản trò: Truyền điện truyền điện* | *+Cả lớp: Truyền ai truyền ai* |
| *+Quản trò: Truyền bạn …. Nêu thẻ (ví dụ: 1,05)*  | *+Bạn…: 1,05 = 105%. (HS trả lời đúng được mời tiếp bạn khác và đố bạn; HS trả lời sai bị điện giật và nhường quyền đố cho quản trò.)* |
| +…*(Tiếp tục cho số thứ 2)* |  |
| - GV nhận xét\* Bài 1b, 1c:- GV mời HS nhận xét bài bảng lớp - Yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo- GV nhận xét, hỏi lại cách chuyển một STP thành tỉ số phần trăm và ngược lại.- Chốt ý, chuyển mạch qua BT2. | - HS lắng nghe.- HS nhận xét, cả lớp lắng nghe.- Thực hiện.- HS lắng nghe, nêu cách chuyển.- Lắng nghe. |
| **Bài 2.**  |  |
| - GV gọi HS đọc nội dung bài tập 2.  | - HS **đọc** nội dung bài tập 2.  |
| - Gv yêu cầu HS **xác định** việc cần làm. - H: Bài toán thuộc dạng gì của bài toán tỉ số phần trăm.- H: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào?- Đó cũng chính là cách giải quyết bài tập 2.  | -  **Tìm thương** của phép chia và chuyển thành **tỉ số phần trăm****-** Bài toán thuộc Dạng 1**: “Tìm tỉ số phần trăm của hai số”.** **- Ta tìm thương rồi lấy thương đó nhân nhẩm với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích vừa tìm được.** **-** Lắng nghe |
| GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  | - HS làm bài cá nhân vào vở bài tập Toán trang 103.  |
| - GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức để chia sẻ kết quả: *GV ghi sẵn bài tập 2 như SGK, chia lớp làm 2 đội, sau đó chọn mỗi đội 4 bạn để thi tiếp sức viết kết quả tỉ số phần trăm đúng*  | - 8 HS chia làm 2 đội, mỗi thành viên sẽ luân phiên chạy lên ghi kết quả vào chỗ trống theo kiểu tiếp sức. - Chơi xong các 2 đội chơi giữ nguyên đội hình.  |
| - GV **khuyến khích** HS nói tại sao lại ra kết quả tỉ số phần trăm như vậy bằng trò chơi “Bạn hỏi – Tôi trả lời”.- GV nhận xét, chữa bài, chốt đáp án đúng, chuyển mạch sang BT3.**Bài 3.**- GV mời 1HS đọc đề BT3.- Bài toán cho biết gì ?- Bài toán hỏi gì ?- H: Bài toán thuộc dạng gì của bài toán tỉ số phần trăm.- Muốn tìm số học sinh là tình nguyện viên chiếm bao nhiêu phần trăm ta làm thế nào?- Yêu cầu cả lớp làm vở, 1HS làm bảng lớp.- Mời HS nhận xét bài trên bảng- Chốt bài giải đúng, yêu cầu HS chữa bài.**C. Vận dụng, trải nghiệm****Bài 4.**- GV mời 1HS đọc đề BT3.- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, phân tích và suy nghĩ cách giải, trình bày kết quả thảo luận vào bảng nhóm; thời gian 3 phút- Mời HS trình bày kết quả thảo luận, tổ chức hỏi đáp để tìm bài toán cho, bài toán hỏi, thuộc dạng nào, làm thế nào để giải.- Chốt bài giải đúng, tuyên dương các nhóm có kết quả đúng. Qua bài toán ta thấy được những nguyên nhân làm giảm diện tích rừng. Vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ rừng?\*  **Củng cố, dặn dò** - Mời HS nêu cách tìm tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.- Nhận xét tiết học | \*Học sinh dưới lớp hỏi:+Tại sao bạn điền 3 : 8 = 37,5% ?+HS trong đội chơi điền bài đó trả lời- HS theo dõi, chữa bài.- 1HS đọc đề BT3- Cho biết: Khối Năm có 150 học sinh, trong đó có 30 em là tình nguyện viên.- Hỏi: Số học sinh là tình nguyện viên chiếm bao nhiêu phần trăm?**-** Bài toán thuộc Dạng 1**: “Tìm tỉ số phần trăm của hai số”.** - Lấy 30 chia cho 100 rồi nhân nhẩm với 100.- Cả lớp làm VBT trang 103, 1HS làm bảng lớp.- HS nhận xét- Chữa bài*Bài giải**Tỉ số phần trăm số học sinh khối Năm là tình nguyện viên đội bảo vệ môi trường chiếm là:**30 : 150 = 0,2 = 20%**Đáp số: 20%*- 1HS đọc đề BT4- Lập nhóm, thực hiện yêu cầu.- Cho biết: Có khoảng 14,5 triệu km2 rửng nhiệt đới nguyên sinh. Trong đó, 34% diện tích đã bị phá hủy.- Hỏi: Tính diện tích rừng bị phá hủy.**-** Bài toán thuộc Dạng 2**: “Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước”.** *Bài giải*Diện tích rừng bị phá hủy là:14,5 x 34% = 4,93 (triệu km2)Đáp số: 4,93 triệu km2.- Lắng nghe.- Trả lời.- Trả lời- Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(nếu có)*

......................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**